

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2023

“V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI, TỈNH BẠC LIÊU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thành Nhận

2. Ông Lương Chí Nguyễn

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Minh Luân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Mộng Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 387/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03/8/2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Huỳnh Thị Diễm M, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khóm C, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Nơi ở hiện nay: Khu H, đường B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Khóm C, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị M có đơn xin vắng mặt; anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Diễm M trình bày: Chị M và anh Nguyễn Hoàng N chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 01/4/2015, tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 24/12/2013. Thời gian đầu chung sống vợ chồng anh chị rất hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không thống nhất được

quan điểm sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do từ khi anh **N** bị tai nạn giao thông không đi làm được thì anh **N** thay đổi tính cách thường xuyên ghen tuông và đánh chửi chị **M**, đòi ly hôn với chị **M**. Chị **M** và anh **N** đã sống ly thân 05 năm nay, trong thời gian sống ly thân anh **N** không đến thăm chị cũng không liên lạc để thăm con. Do đó, chị **M** nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh **N** không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **N**. Về con chung: Cháu **K** từ nhỏ đến nay sống chung với chị **M** nên chị **M** yêu cầu được tiếp tục chăm sóc con chung, không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh **Nguyễn Hoàng N** đã được Toà án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên toà xét xử, nên Toà án không thể ghi nhận ý kiến của anh **N**.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, xác định đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thực hiện đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định đảm bảo quyền lợi cho những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Từ khi thụ lý đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị **M** được ly hôn với anh **N**. Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Hoàng K** cho chị **M** được trực tiếp chăm sóc, anh **N** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **M** không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị **M** và anh **N** tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/4/2015 theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nay chị **M** khởi kiện đề nghị

Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **N** và được trực tiếp nuôi con nên thuộc quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn*”, anh **N** hiện đang cư trú tại **Khóm C, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu**, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị **M** là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; anh **N** là bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

[3] Về hôn nhân:

[3.1] Chị **M** xác định: Thời gian đầu chung sống vợ chồng anh chị rất hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do không thống nhất được quan điểm sống. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do từ khi anh **N** bị tai nạn giao thông không đi làm được thì anh **N** thay đổi tính cách thường xuyên ghen tuông và đánh chửi chị **M**, đòi ly hôn với chị **M**. Chị **M** và anh **N** đã sống ly thân 05 năm nay, trong thời gian sống ly thân anh **N** không đến thăm chị cũng không liên lạc để thăm con. Do đó, chị **M** nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh **N** không hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **N**. Về con chung: Cháu **K** từ nhỏ đến nay sống chung với chị **M** nên chị **M** yêu cầu được tiếp tục chăm sóc con chung, không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án đã hòa giải để chị **M** và anh **N** đoàn tụ nhưng chị **M** cương quyết ly hôn vì nhận thấy không còn tình cảm, cả hai không còn quan tâm nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Còn anh **N** mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để tham gia hòa giải nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể ghi nhận ý kiến của anh **N**. Mặc khác, hôn nhân phải dựa trên cơ sở tình yêu thương của cả hai vợ chồng, nhưng chị **M** cương quyết xin ly hôn, giữa chị **M** và anh **N** đã sống ly thân thời gian dài (05 năm), vì vậy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **M** là phù hợp với tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị **M** và anh **N** có 01 người con chung là cháu **Nguyễn Hoàng K**, sinh ngày 24/12/2013; căn cứ biên bản xác minh ngày 24/7/2023 của trưởng **khóm C, phường L, thị xã G** xác định: Cháu **K** hiện tại đang sống với chị **M** được chị **M** chăm sóc tốt, cháu **K** phát triển bình thường. Để tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu **K**, ảnh hưởng đến tâm sinh lý phát triển của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ giao cháu **K** cho chị **M** được tiếp tục

chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con do chị **M** không yêu cầu anh **N** phải cấp dưỡng nuôi con, do đó anh **N** không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **M** xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không có căn cứ xem xét giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Giá Rai là phù hợp với quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị **M** phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Kkhoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Huỳnh Thị Diễm M** được ly hôn với anh **Nguyễn Hoàng N**.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng Khang, sinh ngày 24/12/2013 cho chị **Huỳnh Thị Diễm M** được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cháu **K** hiện tại đang sống với chị **M** nên được giữ nguyên.

2.1. Anh **Nguyễn Hoàng N** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

2.2. Anh **Nguyễn Hoàng N** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **Huỳnh Thị Diễm M** không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Huỳnh Thị Diễm M** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm buộc chị **Huỳnh Thị Diễm M** có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị **Huỳnh Thị Diễm M** đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số: 0014914, ngày 21/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS cùng cấp;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy